

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1932/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học  
và công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc thực hiện và quản lý các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 724/TTr-SKH-CN ngày 13 tháng 10 năm 2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên”.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Quang Nhất**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 21/11/2011  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng cho việc tổ chức xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh hàng năm, 5 năm tại Phú Yên để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thông qua xét chọn (sau đây gọi là tuyển chọn, xét chọn) thực hiện; các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến bí mật Nhà nước không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này.

2. Trong Quy định này, các nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn (sau đây gọi chung là Đề tài) là vấn đề khoa học, công nghệ cần được nghiên cứu để nắm được bản chất, nguyên lý, tìm ra giải pháp, tạo ra công nghệ nhằm phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề tài đưa ra tuyển chọn, xét chọn được xác định tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm.

b) Dự án sản xuất thử nghiệm (Dự án SXTN) là vấn đề công nghệ cần tiếp tục hoàn thiện, thích nghi để tạo ra sản phẩm cụ thể đáp ứng nhu cầu thị trường và có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội. Dự án SXTN đưa ra xét chọn được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm.

c) Dự án ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi (gọi tắt là dự án nông thôn miền núi, viết tắt NTMN) là các giải pháp KH&CN thực hiện việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, bảo quản, chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số hàng hóa và nông sản trên thị trường, phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nông thôn, góp phần xóa đói nghèo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư ở nông thôn, miền núi và vùng ven biển khó khăn. Dự án NTMN

đưa ra xét chọn được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu về tính phù hợp của công nghệ chuyển giao, hiệu quả kinh tế, tính khả thi và khả năng nhân rộng của dự án.

d) Dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ là các giải pháp thực hiện việc nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ trong tỉnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ các đặc sản địa phương, các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu. Dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đưa ra xét chọn được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu về giải quyết nhiệm vụ mang tính phổ biến hoặc là nhu cầu chung của nhiều doanh nghiệp, của một địa phương, cộng đồng.

e) Dự án hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ là các giải pháp ứng dụng các kết quả khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, các dịch vụ đòi hỏi kỹ thuật cao như hiệu chỉnh máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, phương tiện đo kiểm, thiết bị khoa học kỹ thuật có bộ phận điều khiển tự động. Dự án hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ đưa ra xét chọn được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm.

## **Điều 2. Căn cứ để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Mục tiêu, định hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được Đảng bộ tỉnh xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ; Kế hoạch khoa học và công nghệ chủ yếu của tỉnh trong kỳ kế hoạch 5 năm được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, của lãnh đạo Đảng và chính quyền tỉnh đối với ngành Khoa học và công nghệ để giải quyết những vấn đề cấp bách của tỉnh, trong nước.

## **Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Yêu cầu đối với Đề tài.

a) Giá trị thực tiễn:

- Trực tiếp hoặc góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết của kinh tế xã hội mà khả năng của một ngành, một huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh không tự giải quyết được;

- Tạo chuyển biến cơ bản về năng suất, chất lượng, hiệu quả, tác động lớn đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật, vùng kinh tế trọng điểm trong tỉnh;

- Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

b) Giá trị khoa học, công nghệ:

- Giải quyết được những vấn đề khoa học, công nghệ mới ở mức đạt hoặc tiếp cận trình độ tiên tiến trong vùng, trong nước;
- Góp phần nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh (đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao, hình thành tập thể khoa học công nghệ mạnh).

c) Tính khả thi:

- Các tổ chức KH&CN trong tỉnh có đủ năng lực để giải quyết được trong khoảng thời gian không quá 3 năm, trừ trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định;
- Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, các nhà khoa học - công nghệ trong tỉnh, ngoài tỉnh.

2. Yêu cầu đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

a) Yêu cầu về công nghệ:

- Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có ở trong tỉnh, có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài;
- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

b) Tính khả thi và hiệu quả kinh tế xã hội:

- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyên giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án);
- Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án;
- Sản phẩm của dự án góp phần tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng).

c) Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau:

- Kết quả của các đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị áp dụng;
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN cấp tỉnh trở lên;
- Kết quả KH&CN từ nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nhận.

3. Yêu cầu đối với dự án nông thôn miền núi.

a) Yêu cầu về công nghệ:

- Những công nghệ tạo ra trong nước đã được đánh giá ở cấp quản lý tiên tiến hơn so với công nghệ hiện có của địa phương, nếu là công nghệ nhập từ nước ngoài thì phải được Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành cấp quản lý đánh giá về tính thích nghi và khả năng làm chủ công nghệ đó, các công nghệ này phải hướng về giải quyết những vấn đề KHCN có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm về bảo vệ môi trường sinh thái.

- Những công nghệ đã có quy trình kỹ thuật ổn định và phù hợp với khả năng tiếp thu của người dân vùng dự án.

b) Đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng cơ sở, khả năng huy động các nguồn vốn đối ứng, đảm bảo khả năng nhân rộng kết quả dự án và năng lực của chủ dự án.

c) Yêu cầu về địa bàn triển khai dự án:

- Địa bàn dự án phải có tính đại diện cho một vùng hoặc tiểu vùng kinh tế - sinh thái đặc trưng để có thể nhân rộng mô hình;

- Dự án được hình thành phải xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân và chính quyền địa phương tại địa bàn dự án; chính quyền, nhân dân và nhà doanh nghiệp tại địa bàn dự án phải cam kết tự nguyện thực hiện và chủ động huy động các nguồn vốn đối ứng để thực hiện dự án.

4. Yêu cầu đối với dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ:

- Tính bao quát và điển hình: nhiệm vụ mà dự án giải quyết mang tính phổ biến hoặc là nhu cầu chung của nhiều doanh nghiệp, của tỉnh hoặc nhiều địa phương trong tỉnh.

- Tính khả thi: nội dung dự án phù hợp năng lực, khả năng huy động nguồn kinh phí của đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

- Tính hiệu quả: Kết quả sản phẩm của dự án có thể sử dụng chung, phục vụ lợi ích cho nhiều doanh nghiệp hoặc nhiều địa phương.

5. Yêu cầu đối với dự án hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

a) Yêu cầu về công nghệ:

- Các ứng dụng kết quả khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới có tính tiên tiến so với công nghệ, sản phẩm đang có ở trong tỉnh;

- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

b) Tính khả thi và hiệu quả kinh tế xã hội:

- Sản phẩm do ứng dụng công nghệ mới sản xuất ra có thị trường tiêu thụ; góp phần tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng);

- Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án.

#### **Điều 4. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Việc xác định nhiệm vụ KH&CN được thực hiện qua các bước:

a) Xây dựng danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN.

b) Các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở danh mục sơ bộ.

c) UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN để tiến hành tuyển chọn, xét chọn trên cơ sở kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có yêu cầu).

2. Việc xác định nhiệm vụ được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 của năm trước liền kề năm kế hoạch đối với đề tài, dự án đề xuất thực hiện cấp Nhà nước và bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 của năm trước liền kề năm kế hoạch đối với đề tài, dự án cấp tỉnh.

## **Chương II TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 5. Xây dựng danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Các sở ngành, trường cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu, trung tâm khoa học công nghệ, các tổ chức chính trị xã hội có chức năng hoạt động KH&CN, các huyện, thành phố, thị xã, các doanh nghiệp trong tỉnh; các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh (thông qua các tổ chức KH&CN, ưu tiên đối với các tổ chức KH&CN trong tỉnh) đề xuất đến Sở Khoa học và Công nghệ các đề tài, dự án, các nhu cầu nghiên cứu KH&CN cụ thể.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề tài, dự án, các nhu cầu nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân đề xuất thành danh mục, phân loại theo lĩnh vực nghiên cứu, chuyên danh mục nhóm đề tài, dự án theo lĩnh vực (có kèm bản sao các phiếu đề xuất) đến các Tổ nhóm ngành Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh để Tổ nhóm ngành Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh họp phản biện, chọn lựa và đề xuất các nhiệm vụ đưa vào danh mục sơ bộ; đồng thời lấy ý kiến của ngành chuyên

môn (thông qua Hội đồng KH&CN ngành chuyên môn) về các nhiệm vụ theo lĩnh vực ngành.

3. Hội đồng KH&CN Sở Khoa học và công nghệ họp có ý kiến tư vấn đề nghị các nhiệm vụ đưa vào danh mục sơ bộ từ danh mục tổng hợp các đề tài, dự án, các nhu cầu nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân đề xuất.

4. Sở Khoa học và công nghệ xử lý, tổng hợp các kết quả làm việc của các Tổ nhóm ngành Hội đồng KH&CN tỉnh, ý kiến của các ngành chuyên môn và kết quả làm việc của Hội đồng KH&CN Sở Khoa học và Công nghệ để xây dựng thành danh mục sơ bộ (loại nhiệm vụ KH&CN đề xuất được Tổ nhóm ngành Hội đồng KH&CN tỉnh, được ngành chuyên môn và Hội đồng KH&CN Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất đưa vào danh mục sơ bộ) và danh mục các nhiệm vụ còn có ý kiến khác nhau.

### **Điều 6. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN là Hội đồng KH&CN tỉnh (do UBND tỉnh quyết định thành lập theo nhiệm kỳ của Hội đồng KH&CN).

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN làm việc trên cơ sở các tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp, được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 5 ngày trước phiên họp Hội đồng.

*Tài liệu gồm:*

- Hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm, Kế hoạch khoa học và công nghệ năm của tỉnh.

- Danh mục sơ bộ và danh mục các nhiệm vụ còn có ý kiến khác nhau (quy định tại Điều 5 Quy định này).

- Biên bản họp Tổ nhóm ngành Hội đồng KH&CN tỉnh, ý kiến bằng văn bản của các ngành chuyên môn, biên bản họp sơ tuyển của Sở Khoa học và Công nghệ; đối với một số nhiệm vụ cấp thiết, đặc biệt, Sở Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia thẩm định thêm nếu có vấn đề chưa xác định được.

### **Điều 7. Trình tự, nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng**

1. Hội đồng nghe cơ quan thường trực Hội đồng KH&CN tỉnh báo cáo tình hình đăng ký đề tài, dự án của cá nhân, tổ chức KH&CN gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ; ý kiến của các ngành chuyên môn đối với các đề tài, dự án đề xuất; kết quả làm việc của các Tổ nhóm ngành Hội đồng KH&CN tỉnh và kết quả sơ tuyển của Sở Khoa học và Công nghệ để xây dựng thành danh mục sơ bộ.

Đối với đề tài yêu cầu danh mục xác định chính xác tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm. Đối với dự án yêu cầu danh mục xác định chính xác

tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm.

2. Hội đồng thảo luận, phân tích từng nhiệm vụ trong danh mục sơ bộ theo các yêu cầu và tiêu chí nêu tại Điều 3 Quy định này; có ý kiến thêm đối với danh mục các đề tài, dự án đăng ký còn có ý kiến khác nhau.

3. Thành viên Hội đồng đánh giá từng nhiệm vụ theo mẫu phiếu quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Phiếu hợp lệ là phiếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đã hướng dẫn trên phiếu.

4. Thư ký Hội đồng cùng một số cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ (Phòng Quản lý khoa học, Phòng Quản lý KH&CN cơ sở) tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng.

5. Trên cơ sở tổng hợp kết quả kiểm phiếu, Hội đồng xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN theo thứ tự ưu tiên. Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị đưa vào danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tại phiên họp bỏ phiếu “đề nghị thực hiện”. Thứ tự ưu tiên đối với các nhiệm vụ được sắp xếp dựa trên số lượng phiếu “đề nghị thực hiện”. Trường hợp các nhiệm vụ có số phiếu đề nghị bằng nhau, Hội đồng thống nhất theo nguyên tắc biểu quyết trực tiếp để xếp thứ tự ưu tiên.

6. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc xét chọn), phương án tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ KH&CN, kể cả việc mời chuyên gia trong, ngoài tỉnh cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

7. Thư ký Hội đồng lập biên bản làm việc của Hội đồng kèm theo danh mục nhiệm vụ KH&CN năm đã được Hội đồng thông qua.

### **Điều 8. Phê duyệt và công bố danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ theo kết quả tư vấn của Hội đồng xác định danh mục trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Sau khi có quyết định phê duyệt danh mục của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo danh mục nhiệm vụ KH&CN và việc tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo Phú Yên, Báo Khoa học và phát triển,...) để các cơ quan, cá nhân liên quan lập thuyết minh đề tài, dự án; tổ chức việc tuyển chọn, xét duyệt, thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt cho triển khai thực hiện trong năm kế hoạch.

## **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy định**

1. Kinh phí chi cho các cuộc họp Tổ nhóm ngành Hội đồng KH&CN tỉnh, Hội đồng KH&CN Sở Khoa học và Công nghệ sơ tuyển các nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN lấy từ kinh phí sự nghiệp KH&CN và thực hiện theo định mức ban hành tại Quyết định 1402/2007/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 của UBND tỉnh Phú Yên tại mục chi tư vấn xác định nhiệm vụ và tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức KH&CN, các Hội đồng tư vấn xét duyệt, tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN và các đơn vị có liên quan thực hiện Quy định này.

**Điều 10. Vận dụng Quy định**

Quy định này thay thế các quy định trước đây về xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tại Phú Yên. Các sở ngành, các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức hoạt động KH&CN, các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh vận dụng Quy định này để xây dựng, trình cấp quản lý có thẩm quyền ban hành Quy định về xác định nhiệm vụ KH&CN và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trong phạm vi quản lý của mình./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Quang Nhất**